

**BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II
NĂM HỌC 2023 – 2024 - MÔN: SINH HỌC LỚP 12**

1. **Hình thức ra đề:** Trắc nghiệm 4 lựa chọn , 40 câu .
 2. **Thời gian :** 45 phút
 3. **Kỹ thuật đặc tả:**
- Tỉ lệ các đơn vị kiến thức trong đề:** *Nhận biết : Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao = 4: 3 :2 :1*

STT	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Ghi chú
1	Các bằng chứng tiến hóa	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nêu được (nhận dạng được) khái niệm: Cơ quan tương đồng, cơ quan tương tự, cơ quan thoái hóa. -Nhận dạng được bằng chứng tế bào học và bằng chứng sinh học phân tử. -Nêu được ý nghĩa của thuyết cấu tạo tế bào, sự thống nhất trong cấu trúc của ADN và prôtêin các loài. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> -Phân biệt được cơ quan tương đồng, cơ quan tương tự, cơ quan thoái hóa. - So sánh: cơ quan tương đồng, cơ quan thoái hóa và cơ quan tương tự. - Phân biệt được bằng chứng trực tiếp và bằng chứng gián tiếp. - Trình bày được nguồn gốc chung của sinh giới qua học thuyết tế bào. - Xác định được các mối quan hệ họ hàng qua phân tích ví dụ cụ thể về bằng chứng sinh học phân tử - Giải thích được nguồn gốc chung của sinh giới. 	
2	Học thuyết Đacuyn	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được các khái niệm: Biến dị cá thể, đấu tranh sinh tồn, chọn lọc tự nhiên, chọn lọc nhân tạo. - Nêu được nguyên nhân, cơ chế tiến hóa (chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo) <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo. - Trình bày được cơ chế hình thành đặc điểm thích nghi theo Đacuyn. - Trình bày được cơ chế của chọn lọc tự nhiên. - Phân tích được vai trò của chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo. -Hiểu được hạn chế của Đacuyn. - Giải thích được sự thống nhất trong đa dạng của sinh giới (chiều hướng tiến hoá) - Giải thích được sự hình thành loài mới theo học thuyết Đacuyn. 	

3	Học thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được đặc điểm của thuyết tiến hoá tổng hợp. - Nêu khái niệm tiến hóa nhỏ - nhận dạng được nguồn biến dị di truyền của quần thể. - Liệt kê được các nhân tố tiến hoá -Nêu được khái niệm các nhân tố tiến hóa, - Nêu được vai trò của CLTN là sàng lọc và làm tăng số lượng cá thể có kiểu hình thích nghi tồn tại sẵn trong quần thể - Liệt kê được các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ hình thành quần thể thích nghi. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được lý do đặc điểm thích nghi chỉ mang tính tương đối -Phân biệt được tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn. Phân biệt được nguồn biến di sơ cấp và nguồn biến dị thứ cấp. - Xác định được nguồn nguyên liệu chủ yếu cho tiến hóa (nguồn nguyên liệu sơ cấp) - Trình bày được vai trò của đột biến gen, di -nhập gen, biến động di truyền đối với tiến hóa nhỏ. -Trình bày được tác động và vai trò của chọn lọc tự nhiên. - Phân biệt được tốc độ thay đổi tần số alen trội và lặn của chọn lọc tự nhiên. - Phân biệt được thuyết tiến hóa của Dacuyn với thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại. -Hiểu được chiều hướng tiến hóa theo thuyết tiến hoá tổng hợp. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích vì sao quá trình giao phối ngẫu nhiên không phải là nhân tố tiến hóa. - Giải thích tại sao chọn lọc tự nhiên làm thay đổi tần số alen của quần thể vi khuẩn nhanh hơn so với ở quần thể sinh vật nhân thực lưỡng bội. - Giải thích được tại sao những quần thể có kích thước nhỏ bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các nhân tố tiến hóa 	
4	Loài và Quá trình hình thành loài	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm loài sinh học. <p>Nêu được khái niệm loài sinh học, các cơ chế cách li.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tiêu chí phân biệt 2 loài thân thuộc. - Nêu được bản chất của quá trình hình thành loài. - Nêu được các phương thức hình thành loài. - Nhận biết được các cơ chế cách li trước hợp tử, cách li sau hợp tử. - Liệt kê các con đường hình thành loài -Nêu được quá trình hình thành loài và các đặc điểm hình thành loài mới theo các con đường địa lí, sinh thái, lai xa và đa bội hóa. 	

		<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được cơ chế cách li trước hợp tử và sau hợp tử. - Phân biệt các cơ chế cách li. - Phân biệt các dạng cách li thông qua các ví dụ - Xác định được vai trò của cách li sinh sản trong quá trình hình thành loài. - Xác định được vai trò của cơ chế cách li. - Phân biệt các kiểu hình thành loài cùng khu vực địa lí. - Xác định được vai trò của cách li địa lí trong hình thành loài. - Xác định được cơ chế của quá trình hình thành loài và các đặc điểm hình thành loài mới theo các con đường địa lí, sinh thái, lai xa và đa bội hoá. 	
5	Di truyền người	<p>Vận dụng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích sơ đồ phả hệ để tìm ra quy luật di truyền tật, bệnh - Xác định được kiểu gen của những người trong sơ đồ phả hệ. - Tính được xác suất biểu hiện bệnh lí ở đời con. 	

TPHCM. Ngày 27 tháng 02 năm 2024
TTCM

Nguyễn Thị Tố Vân